

Số: **864** /QĐ-UBND

Tiền Giang, ngày **17** tháng 4 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

**Chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời phê duyệt danh mục  
dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đấu thầu dự án  
Khu đô thị Nguyễn Trọng Hợp**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26/11/2013;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;*

*Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17/6/2020;*

*Căn cứ Nghị định số 25/2020/NĐ-CP ngày 28/02/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư;*

*Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;*

*Căn cứ Nghị định số 35/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư;*

*Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;*

*Căn cứ Thông tư số 09/2021/TT-BKHĐT ngày 16/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư và dự án đầu tư có sử dụng đất;*

*Căn cứ Thông tư số 10/2022/TT-BKHĐT ngày 15/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc quy định chi tiết việc cung cấp, đăng tải thông tin và lựa chọn nhà đầu tư trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;*

*Căn cứ Quyết định số 1373/QĐ-BKHĐT ngày 29/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc đính chính Thông tư số 10/2022/TT-BKHĐT ngày 15/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc quy định chi tiết việc cung cấp, đăng tải thông tin và lựa chọn nhà đầu tư trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;*



*Căn cứ Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang thông qua danh mục công trình, dự án thực hiện năm 2023 phải thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Tiền Giang;*

*Căn cứ Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang thông qua danh mục công trình, dự án thực hiện năm 2023 có sử dụng đất phải chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa dưới 10 ha, đất rừng phòng hộ dưới 20 ha trên địa bàn tỉnh Tiền Giang;*

*Căn cứ kết luận của Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh tại Thông báo số 84/TB-UBND ngày 10/4/2023;*

*Xét đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Báo cáo thẩm định số 685/BC-SKH&ĐT ngày 30/3/2023.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời phê duyệt danh mục dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đấu thầu dự án Khu đô thị Nguyễn Trọng Hợp. Nội dung chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện:

1. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư:

- Tổ chức biên dịch từ tiếng Việt sang tiếng Anh nội dung Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời phê duyệt danh mục dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đấu thầu dự án Khu đô thị Nguyễn Trọng Hợp, Thông báo mời quan tâm dự án đầu tư có sử dụng đất và tổ chức công bố danh mục dự án theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân thị xã Gò Công tổ chức đánh giá năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư đăng ký thực hiện dự án; trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét thực hiện các bước tiếp theo theo đúng quy định pháp luật hiện hành.

2. Giao Trung tâm Tinh học và Công báo (Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh đăng tải), công bố rộng rãi thông tin Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời phê duyệt danh mục dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đấu thầu dự án Khu đô thị Nguyễn Trọng Hợp, Thông báo mời quan tâm dự án đầu tư có sử dụng đất (do Sở Kế hoạch và Đầu tư cung cấp) lên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh để tạo điều kiện thuận lợi cho nhà đầu tư trong nước và quốc tế quan tâm, đăng ký thực hiện dự án.

3. Nhà đầu tư nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án phải thực hiện các thủ tục để được cấp chứng thư số (vai trò là Nhà đầu tư) và nộp hồ sơ trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia theo quy định tại Khoản 1, Điều 13, Nghị định số 25/2020/NĐ-CP của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 6, Điều 108, Nghị định số 31/2021/NĐ-CP của Chính phủ).

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Gò Công chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./*ngũ*

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- VP: CVP, PVP H.T.Nam;
- TT Tin học và Công báo;
- Lưu: VT, TH (G).

*f B*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**<sup>*ch*</sup>  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



*Trần Văn Dũng*



## PHỤ LỤC

### Nội dung, thông tin dự án Khu đô thị Nguyễn Trọng Hợp

(Ban hành kèm theo Quyết định số 864 /QĐ-UBND ngày 17/4/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang)

#### 1. Tên dự án: Khu đô thị Nguyễn Trọng Hợp.

#### 2. Mục tiêu đầu tư:

- Mục tiêu của dự án là chỉnh trang đô thị xây dựng mới khu nhà phố thương mại (shophouse), nhà ở liền kề, nhà ở tái định cư, nhà ở biệt thự, nhà ở xã hội, khối thương mại dịch vụ, công trình giáo dục, công trình nhà văn hóa, cây xanh mặt nước, cảnh quan và hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật khu đô thị theo mô hình đô thị tiên tiến, đáp ứng nhu cầu nhà ở của người dân, nâng cao chất lượng cuộc sống của dân cư khu vực trên địa bàn. Dự án cũng sẽ xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội theo quy hoạch được duyệt.

- Đầu tư đồng bộ dự án theo quy hoạch sử dụng đất, hợp lý các khu chức năng gắn bó hiệu quả, tạo nên mô hình một khu đô thị đảm bảo các tiêu chí văn minh hiện đại; hướng tới đối tượng có thu nhập trung bình, góp phần vào ổn định đời sống cho nhân dân trên địa bàn thị xã Gò Công.

- Dự án góp phần đáng kể phát triển toàn diện kinh tế, xã hội của thị xã Gò Công, giải quyết vấn đề lao động, việc làm cho nhân dân, đồng thời quảng bá, thu hút khách du lịch đến thị xã Gò Công.

**3. Quy mô đầu tư:** Khu đô thị được đầu tư gồm các hạng mục công trình gồm: nhà ở khu nhà phố thương mại, nhà ở liền kề, nhà ở tái định cư, nhà ở biệt thự, nhà ở xã hội, khối thương mại dịch vụ, công trình giáo dục, công trình nhà văn hóa, cây xanh mặt nước, cảnh quan và hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật đầu tư xây dựng đồng bộ. Tổng diện tích thực hiện dự án là 22,7 ha, phục vụ cho quy mô dân số khoảng 4.000 người. Cụ thể như sau:

#### 3.1. Diện tích sử dụng đất:

STT	Danh mục	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Tỷ lệ (%)
1	Đất công cộng	11.606	5,11
1.1	Đất tôn giáo	1.070	0,47
1.2	Đất giáo dục	9.574	4,22
1.3	Đất trạm y tế	962	0,42
2	Đất thương mại dịch vụ	14.411	6,35
3	Đất cây xanh	29.727	13,10
4	Đất ở	100.306	44,22
4.1	Nhà ở liền kề	35.567	15,67



STT	Danh mục	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Tỷ lệ (%)
4.2	Nhà ở tái định cư	8.701	3,83
4.3	Nhà ở khu nhà phố thương mại	14.960	6,59
4.4	Nhà ở biệt thự	19.349	8,52
4.5	Nhà ở xã hội	21.729	9,57
5	Đất hạ tầng kỹ thuật	6.520	2,87
5.1	Trạm xử lý nước thải	141	0,06
5.2	Đất cây xanh cách ly trạm xử lý nước thải	1.076	0,47
5.3	Đất hành lang sau nhà	5.303	2,34
6	Đất giao thông	64.351	28,35
<b>Tổng</b>		<b>227.000</b>	<b>100</b>

### 3.2. Quy mô kiến trúc xây dựng.

Quy mô kiến trúc xây dựng: áp dụng Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng theo Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/05/2021 của Bộ Xây dựng về việc ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng.

#### 3.2.1. Đầu tư xây dựng công trình nhà ở.

- Đất ở khu nhà phố thương mại:

+ Khu nhà phố thương mại có diện tích 14.960,1 m<sup>2</sup>, bề rộng mặt tiền trung bình 5m; chiều dài trung bình 20,0 m; gồm 152 lô có diện tích từ 85,7 m<sup>2</sup> đến 220,5 m<sup>2</sup>. Chiều cao tối đa 4 tầng. Mật độ xây dựng tối đa 90%. Hệ số sử dụng đất 3,6 lần.

+ Đầu tư xây dựng nhà thô có hoàn thiện mặt ngoài đất ở khu nhà phố thương mại gồm 152 lô, với diện tích 14.960,1 m<sup>2</sup>. Mật độ xây dựng 90%; tầng cao xây dựng 4 tầng, hệ số sử dụng đất 3,6; Diện tích sàn xây dựng 53,856.36 m<sup>2</sup>.

- Đất ở liền kề: có diện tích 35.566,6 m<sup>2</sup>, bề rộng mặt tiền trung bình 5m; chiều dài trung bình 20 m; gồm 334 lô có diện tích từ 99 m<sup>2</sup> đến 232,8 m<sup>2</sup>. Chiều cao tối đa 4 tầng. Mật độ xây dựng tối đa 90%. Hệ số sử dụng đất 3,6 lần.

- Đất ở biệt thự: có diện tích 19.348,6 m<sup>2</sup>, bề rộng mặt tiền trung bình 10m; chiều dài trung bình 20 m; gồm 80 lô có diện tích từ 200 m<sup>2</sup> đến 465,8 m<sup>2</sup>. Chiều cao tối đa 3 tầng. Mật độ xây dựng tối đa 70%. Hệ số sử dụng đất 2,1 lần.

#### 3.2.2. Đầu tư xây dựng công trình công cộng.

- Đất dịch vụ thương mại có diện tích 14.410,7 m<sup>2</sup>. Mật độ xây dựng tối đa 60%. Chiều cao tối đa 7 tầng (chiều cao <35m). Hệ số sử dụng đất 4,2 lần.

- Đầu tư xây dựng khối trung tâm thương mại dịch vụ hoàn thiện với diện tích 14.410,7 m<sup>2</sup>. Mật độ xây dựng 60%, tầng cao xây dựng 7 tầng, hệ số sử dụng đất 4,2 lần, chiều cao <35m; diện tích sàn xây dựng 86.464,2 m<sup>2</sup>.



### 3.2.3. Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật.

Đầu tư xây dựng đồng bộ phần hạ tầng kỹ thuật theo quy hoạch sau khi được phê duyệt, cụ thể các hạng mục như sau: san nền; đường giao thông; thoát nước mưa; thoát nước thải; cấp nước; cấp điện, điện chiếu sáng; hệ thống thông tin liên lạc; công trình xử lý nước thải; bãi đỗ xe, khuôn viên cây xanh, mương hoàn trả.

### 3.3. Đầu tư khu tái định cư.

3.3.1. Đầu tư xây dựng công trình nhà: Khu ở tái định cư có diện tích 8.701,1 m<sup>2</sup>. Bề rộng trung bình 5,0m; chiều dài trung bình 20,0 m; tổng số lô 84 lô (có 84 hộ đủ điều kiện tái định cư) có diện tích lô từ 99,0 m<sup>2</sup> đến 179,2 m<sup>2</sup>. Chiều cao tối đa 4 tầng. Mật độ xây dựng tối đa 90%. Hệ số sử dụng đất 3,6 lần.

3.3.2. Đầu tư xây dựng công trình công cộng: Đầu tư xây dựng y tế có diện tích 962,0 m<sup>2</sup>. Mật độ xây dựng tối đa 40%. Chiều cao tối đa 3 tầng. Hệ số sử dụng đất 1,2 lần.

3.3.3. Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật: Đầu tư xây dựng đồng bộ phần hạ tầng kỹ thuật theo quy hoạch sau khi được các cơ quan thẩm quyền phê duyệt.

### 3.4. Đầu tư khu nhà ở xã hội:

#### 3.4.1. Đầu tư xây dựng công trình nhà:

- Đất nhà ở xã hội có diện tích 21.729,1 m<sup>2</sup>. Mật độ xây dựng tối đa 60%. Chiều cao tối đa 9 tầng (chiều cao <45m). Hệ số sử dụng đất 5,4 lần.

- Xây dựng nhà ở xã hội có diện tích 21.729,1 m<sup>2</sup>. Mật độ xây dựng tối đa 60%. Chiều cao xây dựng 09 tầng (chiều cao <45m). Hệ số sử dụng đất 5,4 lần.

3.4.2. Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật: Đầu tư xây dựng đồng bộ phần hạ tầng kỹ thuật theo quy hoạch sau khi được các cơ quan thẩm quyền phê duyệt.

**4. Sơ bộ tổng chi phí thực hiện dự án, vốn đầu tư (chưa bao gồm tiền sử dụng đất): 2.073.578.000.000 đồng.** Trong đó:

- Sơ bộ tổng chi phí thực hiện dự án, không bao gồm chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, tiền sử dụng đất, tiền thuê đất (m1): **1.401.366.310.895 đồng.**

- Chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của phần diện tích đất cần giải phóng mặt bằng (m2) dự kiến: **672.211.689.105 đồng.**

### 5. Phương án huy động vốn:

5.1 Vốn chủ sở hữu: Nhà đầu tư có vốn thuộc sở hữu của để thực hiện dự án không thấp hơn 20% tổng mức đầu tư đối với dự án.

5.2 Vốn huy động để thực hiện dự án: Nhà đầu tư có khả năng huy động vốn để thực hiện dự án từ các ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng nhưng không cao hơn 80% tổng mức đầu tư đối với dự án.

### 6. Thời hạn, tiến độ đầu tư thực hiện dự án:

6.1 Thời hạn thực hiện dự án: 50 năm kể từ khi Nhà đầu tư thực hiện dự án được Nhà nước giao đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai.



6.2 Tiến độ đầu tư thực hiện dự án: trong giai đoạn năm 2023-2026. Trong đó:

- Tiến độ góp vốn và tiến độ dự kiến huy động các nguồn vốn: vốn chủ sở hữu và các nguồn vốn huy động hợp pháp của Nhà đầu tư được lựa chọn thực hiện dự án huy động dự kiến từ năm 2023 – 2026.

- Tiến độ thực hiện các mục tiêu hoạt động của dự án:

+ Thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư, lựa chọn nhà đầu tư: quý I/2023 - quý III/2023.

+ Lập quy hoạch xây dựng chi tiết 1/500: từ quý III đến quý IV/2023

+ Thiết kế bản vẽ thiết kế cơ sở: từ quý IV/2023

+ Thiết kế bản vẽ thiết kế thi công: từ quý IV/2023.

+ Giải phóng mặt bằng: từ quý IV/2023

- Tiến độ xây dựng các hạng mục công trình: từ quý I/2024 đến quý IV/2026.

- Tiến độ hoàn thành, chuyển giao, quản lý vận hành các công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, tái định cư, nhà ở xã hội, nhà thương mại dịch vụ: đến quý IV/2026.

## 7. Thông tin về hiện trạng sử dụng đất tại địa điểm thực hiện dự án, diện tích khu đất thực hiện dự án:

7.1. Thông tin về hiện trạng sử dụng đất thực hiện dự án: đất để thực hiện dự án là 22,7 ha. Trong đó: đất thuộc quyền sử dụng của người dân với tổng diện tích 19,9721 ha; đất thuộc quyền quản lý của nhà nước (đất công) với tổng diện tích 2,727898 ha (27.278,98m<sup>2</sup>), cụ thể:

STT	Loại đất	Diện tích (m <sup>2</sup> )
<b>I</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>179.696,34</b>
1	Đất trồng lúa	91.746,58
2	Đất trồng cây lâu năm	80.774,26
3	Đất trồng cây hàng năm khác	7.175,50
<b>II</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>47.303,660</b>
1	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	5.523,30
2	Đất giao thông	10.789,74
3	Đất ở tại đô thị	3.645,55
4	Đất sông ngòi, kênh, rạch	8.421,94
5	Đất nghĩa trang, nghĩa địa,	2.544,00
6	Đất cơ sở tín ngưỡng	1.356,99
7	Đất nuôi trồng thủy sản	12.437,04
8	Đất chưa sử dụng	2.585,10
<b>Tổng</b>		<b>227.000</b>

- Địa điểm thực hiện: phường 4, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang. Ranh giới được xác định như sau:

- + Phía Bắc: giáp khu dân cư hiện hữu dọc đường quốc lộ 50.
- + Phía Nam: giáp khu dân cư Nguyễn Trọng Dân.
- + Phía Đông: giáp sông Gò Công.
- + Phía Tây: giáp đất lúa và một số nhà dân hiện hữu.

8.2 Diện tích khu đất thực hiện dự án: 227.000 m<sup>2</sup>.

**9. Mục đích sử dụng đất:** Theo đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 dự án (sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt)

**10. Các chỉ tiêu quy hoạch được duyệt:** Theo đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 dự án (sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt)

**11. Yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư:**

TT	Nội dung	Yêu cầu
1	Năng lực tài chính	Vốn chủ sở hữu tối thiểu nhà đầu tư phải thu xếp: <b>414.715.600.000 đồng</b> (tương đương 20% tổng mức đầu tư dự án; tổng mức đầu tư của dự án là 2.073.578.000.000 đồng, không bao gồm tiền sử dụng đất)
2	Kinh nghiệm thực hiện dự án tương tự	Số lượng dự án mà nhà đầu tư hoặc thành viên tham gia liên danh hoặc đối tác cùng thực hiện đã tham gia với vai trò là nhà đầu tư góp vốn chủ sở hữu hoặc nhà thầu chính: 01 dự án loại 1 hoặc 02 dự án loại 2 hoặc 02 dự án loại 3. Cách xác định dự án như sau: a) Loại 1: Dự án trong lĩnh vực đầu tư xây dựng khu đô thị; khu dân cư; khu nhà ở kết hợp thương mại dịch vụ; xây dựng công trình dân dụng có nhiều công năng; nhà ở thương mại mà nhà đầu tư tham gia với vai trò nhà đầu tư góp vốn chủ sở hữu, đã hoàn thành hoặc hoàn thành phần lớn trong vòng 07 năm trở lại đây (2016-2022) và đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau: - Có tổng mức đầu tư tối thiểu là <b>1.244.146.800.000 đồng</b> (tương đương 60% tổng mức đầu tư dự án). - Nhà đầu tư đã góp vốn chủ sở hữu với giá trị tối thiểu là <b>248.829.360.000 đồng</b> (tương đương 60% yêu cầu về vốn chủ sở hữu của dự án đang xét).



TT	Nội dung	Yêu cầu
		<p>b) Loại 2: Dự án trong lĩnh vực đầu tư xây dựng khu đô thị; khu dân cư; khu nhà ở kết hợp thương mại dịch vụ; xây dựng công trình dân dụng có nhiều công năng; nhà ở thương mại mà nhà đầu tư đã tham gia với vai trò là nhà thầu chính xây lắp, đã hoàn thành hoặc hoàn thành phần lớn trong vòng 05 năm trở lại đây (2018 -2022) và có giá trị tối thiểu là <b>1.244.146.800.000 đồng</b> (tương đương 60% giá trị công việc tương ứng của dự án đang xét)</p> <p>c) Loại 3: Dự án trong lĩnh vực đầu tư xây dựng khu đô thị; khu dân cư; khu nhà ở kết hợp thương mại dịch vụ; xây dựng công trình dân dụng có nhiều công năng; nhà ở thương mại mà đối tác tham gia với vai trò là nhà thầu chính xây lắp, đã hoàn thành hoặc hoàn thành phần lớn trong vòng 05 năm trở lại đây (2018-2022) và có giá trị tối thiểu là <b>1.244.146.800.000 đồng</b> (tương đương 60% tổng mức đầu tư dự án đang xét).</p>

**12. Thời hạn để nhà đầu tư nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án:** tối thiểu 30 ngày kể từ ngày công bố danh mục dự án trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

**13. Chuẩn bị, nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án:**

Nhà đầu tư nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án phải thực hiện các thủ tục để được cấp chứng thư số (vai trò là Nhà đầu tư) và nộp hồ sơ trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia theo quy định tại Khoản 1, Điều 13, Nghị định số 25/2020/NĐ-CP của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 6, Điều 108, Nghị định số 31/2021/NĐ-CP của Chính phủ). Hồ sơ đăng ký thực hiện dự án của nhà đầu tư bao gồm: Văn bản đăng ký thực hiện dự án; hồ sơ về tư cách pháp lý, năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư; các tài liệu khác có liên quan (nếu có)/.